

Bản án số: 94/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 12 - 2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ- TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Trần Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Mỹ

2. Ông Trần Đăng Khoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nguyên Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Lâm Kim M**; sinh năm 1980 (*có mặt*)

Địa chỉ: Số 42/9A đường V, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

* *Bị đơn:* Ông **Trương Minh T**; sinh năm 1972 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 42/9A đường V, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn là bà Lâm Thị Kim M:**

Bà M và ông Trương Minh T chung sống với nhau từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông T khi uống rượu, bia thì la mắng, đánh đập bà M. Do đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên bà M và ông T đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Bà M làm đơn xin ly hôn để chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông T. Về con chung: Bà M xác định quá trình chung sống giữa bà và ông T có 02 người con

chung tên Trương Thị Mỹ H, sinh ngày 03/5/2003 và Trương Thị Mỹ X, sinh ngày 26/12/2008, hiện đang sống cùng Bà M, bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung.

*** Bị đơn là ông Trương Minh T:** Vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn- bà Lâm Thị Kim M có đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn- ông Trương Minh T nơi cư trú tại số 42/9A đường V, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là vụ việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

- Bị đơn - ông Trương Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lâm Thị Kim M:* Bà Lâm Thị Kim M và ông Trương Minh T tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn cho ông bà ngày 01/10/2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà M khởi kiện xin ly hôn ông T với lý do: Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trong hôn nhân, tình cảm vợ chồng không còn và hiện nay vợ chồng không còn sống cùng nhà với nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà M và ông T đã được Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng ông T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, ông T không có ý kiến gì đối với khởi kiện của bà M. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M.

[3] *Về con chung:* Bà M xác định vợ chồng có 02 người con chung Trương Thị Mỹ H, sinh ngày 03/5/2003 và Trương Thị Mỹ X, sinh ngày 26/12/2008. Bà M yêu cầu được nuôi dưỡng Trương Thị Mỹ X không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu của bà M phù hợp với nguyện vọng của cháu Mỹ X. Đối với

Trương Thị Mỹ H đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng .

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà M xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà M phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000049 ngày 22/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Bà M đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Lâm Thị Kim M

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Kim M được ly hôn với ông Trương Minh T.

2. Về con chung: Giao Trương Thị Mỹ X, sinh ngày 26/12/2008 cho bà M nuôi dưỡng, bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Các bên có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà M xác định không có.

4. Về án phí: Bà Lâm Thị Kim M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0000049 ngày 22/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Bà M đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/12/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THADS Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan đã thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đinh Trần Mộng Thúy